

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 219/2024/DS-ST
Ngày 19-6-2024
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Á
- Ông Nguyễn Hữu Tô

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Trương Văn Đình – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc Tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, địa chỉ: Số nhà B, Đường N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984, Nhân viên Công ty T1 Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, địa chỉ: Số nhà B, Đường N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1972, địa chỉ: Số nhà C, Đường P, khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/11/2018, ông **Nguyễn Văn L** ký với **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** (sau đây ghi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), hạn mức tín dụng là 35.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông **Nguyễn Văn L** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 202.884.153 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Ông **Nguyễn Văn L** phải chịu các khoản phí theo quy định của Ngân hàng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông **Nguyễn Văn L** đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 181.217.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông **L** vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông **L** vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/08/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 35.887.895 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Tính đến ngày 19/6/2024, ông **L** còn nợ các khoản sau: Nợ gốc 35.887.895 đồng, lãi quá hạn 65.175.638 đồng. Tổng cộng 101.063.533 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 35.887.895 đồng với lãi suất quá hạn là 3,9%/tháng ($2,6\% \times 150\%$) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông **L**, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông **L** vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông **Nguyễn Văn L** phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày

19/6/2024 là 101.063.533 đồng, trong đó: Nợ gốc 35.887.895 đồng, nợ lãi quá hạn 65.175.638 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- *Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông L trình bày:* Ngày 27/11/2018, ông có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ngân hàng S, vay tiền trong thẻ quẹt 35.000.000 đồng là đúng. Sau đó ông có sử dụng thẻ quẹt thanh toán nhiều lần từ lúc vay đến tận năm 2020, ông cũng đóng tiền hàng tháng đầy đủ. Đến tháng 3/2020, ông bị tai biến nằm một chỗ nên không có khả năng trả cho ngân hàng được nữa. Ông có điện thoại cho ngân hàng đề nghị đóng thẻ lại, để ông trả tiền gốc dừng tính lãi của ông nữa nhưng ngân hàng không chịu thực hiện và tính lãi đến tận hôm nay. Số tiền nợ gốc 35.887.895 đồng thì ông chấp nhận còn nợ ngân hàng nhưng tiền lãi thì ông không đồng ý, vì ông đã gọi điện đề nghị dừng hợp đồng không tính lãi nữa nhưng ngân hàng không thực hiện. Nay ngân hàng đòi thì ông chấp nhận trả nợ gốc, ông xin được trả dần vì hiện nay ông nằm một chỗ không làm ra tiền, mỗi tháng ông được nhà nước hỗ trợ 720.000 đồng, ông xin trích ra để trả dần mỗi tháng 360.000 đồng cho đến khi hết nợ. Còn tiền lãi ông xin ngân hàng cho ông, chứ ông không có khả năng trả.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định:* Việc nhận và xử lý đơn khởi kiện thực hiện đúng qui định tại Điều 191, Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, việc tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án là đúng theo qui định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông L trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi là 101.063.533 đồng. Ông L phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất qui định tại hợp đồng. Ông L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là tổ chức tín dụng yêu cầu bị đơn trả tiền gốc, lãi đã vay nên theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn cư trú tại phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo hồ sơ vay vốn của Ngân hàng và sự thừa nhận của ông L, xác

định việc vay tiền, trả nợ, số tiền vay, số tiền gốc, lãi mà ông L còn nợ như nguyên đơn kê khai là đúng. Ông L không thực hiện trả gốc, lãi đúng hạn như đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ đối với bên cho vay. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L trả tiền gốc, lãi là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật nên yêu cầu này được chấp nhận.

[4] Ông L cho rằng khi từ tháng 3/2020, ông bị tai biến không có khả năng trả cho ngân hàng được nữa nên đã điện thoại cho ngân hàng đề nghị đóng thẻ, để ông trả tiền gốc không tính lãi nữa. Tuy nhiên, ông L điện thoại đề nghị đóng thẻ nhưng lại không thanh toán hết nợ gốc và lãi cho ngân hàng nên khoản nợ vẫn còn và tiếp tục phát sinh lãi. Do đó, ông L phải chịu trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng. Ông L xin tiền lãi và xin trả dần tiền gốc nhưng không được ngân hàng đồng ý và không phù hợp với qui định của pháp luật nên yêu cầu này không được chấp nhận. Buộc ông L phải thanh toán tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 19/6/2024 cho ngân hàng. Ông L chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận.

[5] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên ông L là người khuyết tật nên được miễn án phí.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 91, 94, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Buộc ông Nguyễn Văn L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 101.063.533 đồng (Một trăm lẻ một triệu không trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm ba mươi ba đồng). Trong đó, tiền gốc là 35.887.895 đồng và tiền lãi tính đến ngày 19/6/2024 là 65.175.638 đồng.

2. Về án phí và tiền tạm ứng án phí:

- Ông **Nguyễn Văn L** được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** số tiền 2.086.874 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi tư đồng), đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012451 ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng